

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VINA
Số: 20/2020/CBTT/VNSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
Mã chứng khoán: không có
Trụ sở chính: Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus Tp.HCM, 33 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Người thực hiện công bố thông tin: Bà Ngô Thị Thu Trang – Trưởng Phòng Hành Chính –
Nhân sự
Địa chỉ: Phòng 25.02, Tầng 25 Tòa nhà Deutsches Haus Tp.HCM, 33 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại (Cơ quan): 028 3520 2388 Fax: 028 3520 2019
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã soát xét và Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính
Q2.2020 + Công văn giải trình

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

<http://vinasecurities.com/>; Mục Công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 11 tháng 08 năm 2020

Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin

Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự



NGÔ THỊ THU TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Lee Sang Yup	Chủ tịch	16/7/2019	12/5/2020
Ông Na Sungsoo	Chủ tịch	12/5/2020	
Ông Na Sungsoo	Thành viên	16/7/2019	12/5/2020
Ông Kim Taehyung	Thành viên	16/7/2019	
Ông Han Mun Su	Thành viên	26/02/2019	
Ông Lee Ho Joon	Thành viên	26/02/2019	
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	26/02/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Lee Chang Ho	Trưởng ban	14/4/2020	
Bà Phạm Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	14/4/2020	
Bà Trần Nguyễn Khánh Tường	Thành viên	14/4/2020	
<u>Tổng giám đốc</u>			
Ông Hoàng Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16/7/2019	27/7/2020
Ông Na Sungsoo	Tổng Giám đốc	27/7/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Na Sungsoo, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị



NA SUNGSOO - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận trên, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo này: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn chủ sở hữu của Công ty là 63.955.322.821 VND thấp hơn mức vốn pháp định theo qui định hiện hành với Công ty là 85.000.000.000 VND do phát sinh lỗ lũy kế. Theo qui định của Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thành lập

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

và hoạt động của công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý và trong thời hạn (06) tháng, Công ty phải đảm bảo vốn chủ sở hữu phải tối thiểu bằng vốn pháp định. Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

125
CỘNG
HÒA
KIỂM
TOÁN
TƯ VẤN
ĐẤT VIỆT
QUẬN 1
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B01a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		41.348.281.679	199.762.593.466
I. Tài sản tài chính	110		40.798.199.968	196.556.140.807
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	7.478.844.736	11.842.425.871
1.1. Tiền	111.1		2.478.844.736	6.842.425.871
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3a	25.000.000.000	50.000.000.000
3. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.3b	-	520.251.881
4. Các khoản phải thu	117		7.118.237.292	134.096.921.015
4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	6.148.167.840	126.828.100.000
4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4b	970.069.452	7.268.821.015
4.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		511.142.138	6.482.496.438
4.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		458.927.314	786.324.577
5. Trả trước cho người bán	118	V.4c	1.177.800.000	73.919.100
6. Các khoản phải thu khác	122	V.4d	23.317.940	22.622.940
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		550.081.711	3.206.452.659
1. Tạm ứng	131		3.262.000	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5a	448.119.121	3.014.525.159
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.6a	94.500.000	191.927.500
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	V.10	4.200.590	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		25.216.133.003	22.360.927.156
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.771.930.169	2.112.506.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.671.847.651	1.780.340.191
Nguyên giá	222		1.816.830.000	1.816.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(144.982.349)	(36.489.809)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.100.082.518	332.166.689
Nguyên giá	228		2.189.180.900	373.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(89.098.382)	(40.833.311)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		21.444.202.834	20.248.420.276
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.6b	3.708.496.340	2.082.644.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5b	17.735.706.494	18.165.775.676
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		66.564.414.682	222.123.520.622

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2.609.091.861	113.179.331.586
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.434.091.861	111.854.331.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.9	42.727.584	106.444.055.237
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.10	269.555.568	2.759.438.115
3. Phải trả người lao động	323		907.703.177	2.323.119.238
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	V.11	138.501.000	113.224.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.12	52.000.000	45.454.545
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		23.604.532	169.040.451
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1.175.000.000	1.325.000.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351	V.13	1.175.000.000	1.325.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		63.955.322.821	108.944.189.036
I. Vốn chủ sở hữu	410		63.955.322.821	108.944.189.036
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	273.599.980.000	273.599.980.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		273.599.980.000	273.599.980.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		254.998.000	254.998.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.15	(209.899.655.179)	(164.910.788.964)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(209.902.166.799)	(164.910.788.964)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	417.2		2.511.620	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		66.564.414.682	222.123.520.622

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005	V.16a	720.278.164	-
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.16b	27.359.998	27.359.998
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tiền gửi của khách hàng	026	V.16c	186.262.577	186.146.125
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		186.262.577	186.146.125
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.16d	186.262.577	186.146.125
2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		186.262.577	186.146.125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



NA SUNGSOO
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Kế toán Trưởng

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B02a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1.371.121.913	-
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VI.1	1.371.121.913	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.2	511.142.138	-
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VI.2	1.662.360.841	-
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.3	150.000.000	25.000.000
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.3	726.308.445	-
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.3	2.000.000	1.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		4.422.933.337	26.000.000
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		25.628.501.295	-
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	VI.1	25.628.501.295	-
2.2. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	VI.4	545.454.547	-
2.3. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.4	190.000.000	8.543.434
2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.4	1.412.616.467	877.000.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		27.776.572.309	885.543.434
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	VI.5	10.423.233	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.5	4.729.494	8.825.713
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		15.152.727	8.825.713
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	VI.6	181.111.424	391.781
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		181.111.424	391.781
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.7	21.469.886.494	2.898.829.423
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		(44.989.484.163)	(3.749.938.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71		756.718	50.000
8.2. Chi phí khác	72		138.770	618.881.975
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.8	617.948	(618.831.975)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
9.1. Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện	91		(44.991.377.835)	(4.368.770.900)
9.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	92		2.511.620	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.9	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.9	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.10a	(1.644)	(236)
11.2 Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.10b	(1.644)	(236)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



NA SUNGSOO
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Kế toán Trưởng

VŨ THỊ TRÂM ANH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B03b-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(309.410.817)	(2.950.717)
- Khấu hao TSCĐ	03		156.757.611	5.874.996
- (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(2.511.620)	-
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(4.729.494)	(8.825.713)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		42.743.635.683	(4.371.721.617)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		25.000.000.000	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		520.251.881	-
- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35		120.679.932.160	(2.600.000.000)
- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		6.757.678.877	-
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		(695.000)	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(3.262.000)	-
- Tăng (giảm) chi phí phải trả	41		6.545.455	10.000.000
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		2.996.475.220	(110.273.984)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(107.505.208.553)	(2.670.339.615)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		25.277.000	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		(2.494.083.137)	(10.824.760)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(1.415.416.061)	271.685.000
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(295.435.919)	1.475.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		149.227.500	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.677.651.740)	(1.986.716.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2.554.641.349)	(9.993.191.276)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.816.180.900)	-
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài	65		4.729.494	8.825.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(1.811.451.406)	8.825.713
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(4.366.092.755)	(9.984.365.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	11.842.425.871	13.950.671.906
- Tiền	101.1		6.842.425.871	13.950.671.906
- Các khoản tương đương tiền	101.2		5.000.000.000	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	7.478.844.736	3.966.306.343
- Tiền	103.1		2.478.844.736	3.966.306.343
- Các khoản tương đương tiền	103.2		5.000.000.000	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		2.511.620	-

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.17f	186.262.577	186.146.125
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		186.262.577	186.146.125
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		186.262.577	186.146.125
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	V.17f	186.262.577	186.146.125
(40 = 20 + 30)				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		186.262.577	186.146.125
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		186.262.577	186.146.125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



NA SUNGSOO
Chủ tịch Hội đồng quản trị

VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán Trưởng

VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B04a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.14	185.000.000.000	273.599.980.000	-	-	-	-	185.000.000.000	273.599.980.000
1.1. <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		185.000.000.000	273.599.980.000	-	-	-	-	185.000.000.000	273.599.980.000
1.2. <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		-	-	-	-	-	-	-	-
2. <i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>		254.998.000	254.998.000	-	-	-	-	254.998.000	254.998.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.15	(171.452.202.516)	(164.910.788.964)	-	(4.368.770.900)	2.511.620	(44.991.377.835)	(175.820.973.416)	(209.899.655.179)
3.1. <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)</i>		(171.452.202.516)	(164.910.788.964)	-	(4.368.770.900)	-	(44.991.377.835)	(175.820.973.416)	(209.902.166.799)
3.2. <i>Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện</i>		-	-	-	-	2.511.620	-	-	2.511.620
Cộng		13.802.795.484	108.944.189.036	-	(4.368.770.900)	2.511.620	(44.991.377.835)	9.434.024.584	63.955.322.821
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020




VŨ THỊ TRÂM ANH
 Kế toán Trưởng


VŨ THỊ TRÂM ANH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MẪU B09a-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tên tiếng Anh là Vina Securities Join Stock Company, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103015219 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GPHDKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2019, chuẩn y việc dời trụ sở từ Tầng 6, Số 6B, Phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội về P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Kim Tachyung sang ông Lee Sang Yup, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 9 năm 2019, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 185.000.000.000 VND lên 273.599.980.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 10 năm 2019, chuẩn y tăng việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty còn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép mở các văn phòng đại diện theo các quyết định và công văn ban hành như sau:

- Quyết định số 01/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội;
- Công văn số 1347/UBCK-QLKD ngày 6 tháng 3 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập văn phòng đại diện tại Hàn Quốc.

• **Vốn pháp định:** 85.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 273.599.980.000 VND

Số cổ phiếu : 27.359.998 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 35202388

Mail : contact@vina securities.com

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 2 2 6 1 7

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Văn phòng đại diện

Tại Hà Nội

Địa chỉ: Lô số F 1602 A, Tầng 16, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tại Hàn Quốc

Địa chỉ: Tầng 09 (Deachi - dong), số 504 Teheran - ro, Gangnam - gu, Seoul, Hàn Quốc

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.
4. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 phản ánh lỗ 44.988.866.215 VND, lỗ tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước là 40.620.095.315 VND, chủ yếu lỗ từ hoạt động đầu tư mua các trái phiếu chưa niêm yết 24.257.379.382 VND. Ngoài ra, chi phí quản lý công ty chứng khoán kỳ này tăng 18.571.057.071 VND liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gia tăng trong kỳ, trong đó chi phí tiền lương tăng 10.862.024.138 VND là do số nhân viên kỳ này tăng so với kỳ trước, do đó ảnh hưởng đáng kể đến sự gia tăng của chi phí quản lý công ty chứng khoán và lỗ kinh doanh của kỳ này.

5. Nhân viên Công ty

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 30 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS).

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chi tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chi tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phát sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính AFS các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, trừ trường hợp các tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc khoản mục "Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế TNDN".

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Hội đồng quản trị đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Dự phòng suy giảm tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM và AFS

Các tài sản tài chính HTM và AFS được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc suy giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014.

Tăng hoặc giảm dự phòng (hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM và AFS được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay

Các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm dự phòng (hoàn nhập dự phòng) các khoản cho vay khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ tương ứng trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

d) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

e) Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

Phân loại lại do thay đổi dự định nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Nếu tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại vào nhóm cho vay và phải thu, trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và các khoản tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải được định giá theo giá hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)” hoặc chỉ tiêu “Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại”.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	5
8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao	
<p>Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 5 năm đến 8 năm.</p>	
9. Thuê hoạt động	
<p>Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.</p>	
10. Chi phí trả trước	
<p>Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.</p> <p>Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.</p>	
11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước	
<p>Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.</p>	
12. Vốn chủ sở hữu	
<p>Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. <p>Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.</p> <p>Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.</p>	

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.		
Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.		

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá

Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

14. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu, các tài sản tài chính AFS.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

15. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	2.478.844.736	6.842.425.871
Tiền mặt tại quỹ	49.638.323	20.859.327
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	2.429.206.413	6.821.566.544
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	7.478.844.736	11.842.425.871

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng cổ phần thương mại lãi suất 4,75% /năm (năm 2019: 5%/năm).

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa CTCK	269.746	267.071.440.163
Trái phiếu	269.746	267.071.440.163
b) Cửa Nhà đầu tư	-	-
Trái phiếu	-	-
Cộng	269.746	267.071.440.163

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

a) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	25.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	50.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu có lãi suất từ 7%/năm đến 7,4%/năm (năm 2019: 7,4%/năm).

b) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	520.251.881	520.251.881
Cộng	-	-	520.251.881	520.251.881

4. Các khoản phải thu

a) Phải thu bán các tài sản tài chính	6.148.167.840	126.828.100.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest	6.148.167.840	126.828.100.000
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	970.069.452	7.268.821.015
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	511.142.138	6.482.496.438
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	458.927.314	786.324.577
c) Trả trước cho người bán	1.177.800.000	73.919.100
d) Các khoản phải thu khác	23.317.940	22.622.940
Phải thu khác	23.317.940	22.622.940
Cộng	8.319.355.232	134.193.463.055

5. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	448.119.121	3.014.525.159
Chi phí thuê đường truyền dẫn	51.805.863	131.546.720
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	396.313.258	2.882.978.439
b) Dài hạn	17.735.706.494	18.165.775.676
Chi phí cải tạo văn phòng	594.863.362	683.767.197
Các chi phí trả trước dài hạn khác	17.140.843.132	17.482.008.479
Cộng	18.183.825.615	21.180.300.835

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	94.500.000	191.927.500
Ký quỹ thuê văn phòng, nhà	51.800.000	154.127.500
Ký quỹ sử dụng taxi	20.000.000	15.000.000
Ký quỹ học trường tiếng Anh	22.700.000	22.700.000
Ký quỹ sử dụng thẻ tín dụng	-	100.000
b) Dài hạn	3.708.496.340	2.082.644.600
Ký quỹ thuê văn phòng, nhà	3.708.496.340	2.082.644.600
Cộng	3.802.996.340	2.274.572.100

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.463.809.091	353.020.909	1.816.830.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.463.809.091	353.020.909	1.816.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	12.198.409	24.291.400	36.489.809
Tăng trong kỳ	73.190.454	35.302.086	108.492.540
Khấu hao trong kỳ	73.190.454	35.302.086	108.492.540
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	85.388.863	59.593.486	144.982.349
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.451.610.682	328.729.509	1.780.340.191
Số cuối kỳ	1.378.420.228	293.427.423	1.671.847.651

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	373.000.000	1.816.180.900	-	2.189.180.900
Giá trị hao mòn lũy kế	40.833.311	48.265.071	-	89.098.382
Giá trị còn lại	322.166.689	1.767.915.829	-	2.100.082.518

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Phạm Tại Trương	-	103.932.054.795
Ông Đoàn Văn Long	-	2.078.641.096
Công ty TNHH Ngôi Nhà Đức TP Hồ Chí Minh	7.484.862	18.225.823
Chi nhánh Công ty TNHH KDDI Việt Nam tại TP.HCM	14.630.000	58.520.000
Các nhà cung cấp khác	20.612.722	356.613.523
Cộng	42.727.584	106.444.055.237

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT đầu ra	100.000	112.016	112.016	100.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.759.338.115	2.948.576.466	5.442.584.200	265.330.381
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư (*)</i>	<i>917.091.255</i>	<i>145.404.281</i>	<i>1.066.620.723</i>	<i>(4.125.187)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>1.815.802.416</i>	<i>2.797.121.985</i>	<i>4.346.494.583</i>	<i>266.429.818</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của CTV</i>	<i>26.444.444</i>	<i>6.050.200</i>	<i>29.468.894</i>	<i>3.025.750</i>
Các loại thuế khác	-	55.467.560	55.542.963	(75.403)
<i>Thuế nhà thầu (*)</i>	<i>-</i>	<i>51.467.560</i>	<i>51.542.963</i>	<i>(75.403)</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	2.759.438.115	3.004.156.042	5.498.239.179	265.354.978

Trình bày số dư trên Báo cáo tình hình tài chính:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	-	4.200.590
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>2.759.438.115</u>	<u>269.555.568</u>

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	117.018.000	65.042.000
Bảo hiểm y tế	21.483.000	21.897.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	26.285.000
Cộng	138.501.000	113.224.000

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ	52.000.000	45.454.545
Cộng	52.000.000	45.454.545

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.175.000.000	1.325.000.000
Cộng	1.175.000.000	1.325.000.000

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, vốn điều lệ của Công ty là 273.599.980.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

Tên cổ đồng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
Ông Kim Taehjung	4.440.000	16,23%	44.400.000.000	4.440.000	16,23%	44.400.000.000
Ông Beak Sang Jun	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Lee Ho Joon	740.000	2,70%	7.400.000.000	740.000	2,70%	7.400.000.000
Ông Byun Jae Kyung	740.000	2,70%	7.400.000.000	740.000	2,70%	7.400.000.000
Bà Kim Najoung	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Na Sungsoo	1.295.000	4,73%	12.950.000.000	1.295.000	4,73%	12.950.000.000
Ông Yang Seunggeun	1.295.000	4,73%	12.950.000.000	1.295.000	4,73%	12.950.000.000
Bà Kim Kye Suk	925.000	3,38%	9.250.000.000	925.000	3,38%	9.250.000.000
Ông Rha Jin Chul	925.000	3,38%	9.250.000.000	925.000	3,38%	9.250.000.000
Ông Lee Changho	370.000	1,35%	3.700.000.000	370.000	1,35%	3.700.000.000
Ông Rah Young Chang	1.665.000	6,09%	16.650.000.000	1.665.000	6,09%	16.650.000.000
Ông Lee Sangyup	2.775.000	10,14%	27.750.000.000	2.775.000	10,14%	27.750.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên cổ đồng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
Aprogen KIC Inc.	3.940.000	14,40%	39.400.000.000	3.940.000	14,40%	39.400.000.000
Abpro Bio Co., Ltd.	2.359.998	8,63%	23.599.980.000	2.359.998	8,63%	23.599.980.000
Micro Tech Co., Ltd.	2.560.000	9,36%	25.600.000.000	2.560.000	9,36%	25.600.000.000
Cộng	27.359.998	100,00%	273.599.980.000	27.359.998	100,00%	273.599.980.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.359.998	27.359.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.359.998	27.359.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.359.998	27.359.998
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.359.998	27.359.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.359.998	27.359.998
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

15. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ lũy kế đầu năm	(164.910.788.964)	(171.452.202.516)
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong kỳ	(44.991.377.835)	(4.368.770.900)
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ	2.511.620	-
Lỗ lũy kế cuối kỳ	(209.899.655.179)	(175.820.973.416)

16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	27.824,36	645.036.366	-	-
KRW	4.166.212,00	75.241.798	-	-
Cộng		720.278.164		-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Cổ phiếu đang lưu hành**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đang lưu hành	27.359.998	27.359.998
Cộng	27.359.998	27.359.998

c) Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.262.577	186.146.125
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<u>186.262.577</u>	<u>186.146.125</u>
Cộng	186.262.577	186.146.125

d) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	186.262.577	186.146.125
Cộng	186.262.577	186.146.125

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020,

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I	Lãi bán						
	Trái phiếu chưa niêm yết	29.400	153.299	4.507.004.646	3.135.882.733	1.371.121.913	-
	Cộng			4.507.004.646	3.135.882.733	1.371.121.913	-
II	Lỗ bán						
	Trái phiếu chưa niêm yết	105.723	1.108.180	117.160.151.685	142.788.652.980	(25.628.501.295)	-
	Cộng			117.160.151.685	142.788.652.980	(25.628.501.295)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chợ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Từ các khoản đầu tư HTM	511.142.138	-
Từ các khoản đầu tư AFS	1.662.360.841	-
Cộng	2.173.502.979	-

3. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	150.000.000	25.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	726.308.445	-
Doanh thu khác	2.000.000	1.000.000
Cộng	878.308.445	26.000.000

4. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	545.454.547	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	190.000.000	8.543.434
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.412.616.467	877.000.000
Cộng	2.148.071.014	885.543.434

5. Doanh thu hoạt động tài chính

Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	10.423.233	-
<i>Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện</i>	<i>7.911.613</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện</i>	<i>2.511.620</i>	<i>-</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.729.494	8.825.713
Cộng	15.152.727	8.825.713

6. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	181.111.424	391.781
Cộng	181.111.424	391.781

7. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí nhân viên quản lý	11.463.624.138	601.600.000
Chi phí vật tư, văn phòng phẩm	35.641.910	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	299.335.693	3.385.744
Chi phí khấu hao TSCĐ	126.757.611	5.874.996
Chi phí thuế, phí và lệ phí	44.000.002	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.261.467.681	1.595.598.586
Chi phí khác	3.239.059.459	689.370.097
Cộng	21.469.886.494	2.898.829.423

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chờ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lợi nhuận khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	756.718	50.000
Xử lý công nợ	756.718	50.000
Chi phí khác	138.770	618.881.975
Xử lý công nợ	138.770	-
Phạt chậm nộp thuế	-	618.881.975
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	617.948	(618.831.975)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Điều chỉnh lợi nhuận (lỗ) kế toán:	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.359.998	18.500.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.644)	(236)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chợ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(44.988.866.215)	(4.368.770.900)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.359.998	18.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	27.359.998	18.500.000
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	(1.644)	(236)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tạm ứng chi phí quản lý	1.042.993.652	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn có số dư với các bên liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập tiền lương, thưởng	6.948.050.519	568.000.000
Cộng	6.948.050.519	568.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỗ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ dự phòng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), các khoản phải thu, và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.478.844.736	11.842.425.871
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.000.000.000	50.000.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	520.251.881
Các khoản phải thu	7.141.555.232	134.119.543.955
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.802.996.340	2.274.572.100
Cộng	43.423.396.308	198.756.793.807
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	42.727.584	106.444.055.237
Chi phí phải trả	52.000.000	45.454.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.604.532	169.040.451
Cộng	118.332.116	106.658.550.233

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chốt kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chịu rủi ro chủ yếu khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu là các khoản phải thu) và hoạt động tài chính (chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này, rủi ro tín dụng được đánh giá là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ/ Bộ phận Nguồn vốn và kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.478.844.736	-	-	7.478.844.736
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	-	-
Các khoản phải thu	7.141.555.232	-	-	7.141.555.232
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	94.500.000	3.708.496.340	-	3.802.996.340
Cộng	39.714.899.968	3.708.496.340	-	43.423.396.308
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	42.727.584	-	-	42.727.584
Chi phí phải trả	52.000.000	-	-	52.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.604.532	-	-	23.604.532
Cộng	118.332.116	-	-	118.332.116
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.596.567.852	3.708.496.340	-	43.305.064.192
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.842.425.871	-	-	11.842.425.871
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	520.251.881	-	-	520.251.881
Các khoản phải thu	134.119.543.955	-	-	134.119.543.955
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	191.927.500	2.082.644.600	-	2.274.572.100
Cộng	196.674.149.207	2.082.644.600	-	198.756.793.807
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	106.444.055.237	-	-	106.444.055.237

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả	45.454.545	-	-	45.454.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.040.451	-	-	169.040.451
Cộng	106.658.550.233	-	-	106.658.550.233
Chênh lệch thanh khoản thuần	90.015.598.974	2.082.644.600	-	92.098.243.574

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Phân loại lại

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi tiết như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	7.268.821.015	(786.324.577)	6.482.496.438
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	786.324.577	786.324.577
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	(161.888.109.415)	(3.022.679.549)	(164.910.788.964)
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	(3.022.679.549)	3.022.679.549	-

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020

Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 02/2020/NQ-HDQT ngày 27 tháng 7 năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Minh Sơn và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Na Sungsoo kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020





NA SUNGSOO
Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng



VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	7
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Lee Sang Yup	Chủ tịch	16/7/2019	12/5/2020
Ông Na Sungsoo	Chủ tịch	12/5/2020	
Ông Na Sungsoo	Thành viên	16/7/2019	12/5/2020
Ông Kim Taehyung	Thành viên	16/7/2019	
Ông Han Mun Su	Thành viên	26/02/2019	
Ông Lee Ho Joon	Thành viên	26/02/2019	
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	26/02/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Lee Chang Ho	Trưởng ban	14/4/2020	
Bà Phạm Trinh Bích Ngọc	Thành viên	14/4/2020	
Bà Trần Nguyễn Khánh Tường	Thành viên	14/4/2020	
<u>Tổng giám đốc</u>			
Ông Hoàng Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16/7/2019	27/7/2020
Ông Na Sungsoo	Tổng Giám đốc	27/7/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Na Sungsoo, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Thay mặt Hội đồng quản trị



NA SUNGSOO - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 29. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng Báo cáo kiểm toán tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả chính sách lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

Số công văn:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, Chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.





NA SUNG SOO
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

LEE CHANG HO
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro /vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	V	-
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	VI	1.558.204.167
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	VII	24.909.798.938
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		26.468.003.105
5	Vốn khả dụng	VIII	36.987.990.167
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)		139,75%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020




NA SUNGSOO
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng


VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tên tiếng Anh là Vina Securities Join Stock Company, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103015219 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2019, chuẩn y việc dời trụ sở từ Tầng 6, Số 6B, Phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội về P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Kim Tachyung sang ông Lee Sang Yup, chức danh Chủ tịch HĐQT;
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 9 năm 2019, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 185.000.000.000 VND lên 273.599.980.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 10 năm 2019, chuẩn y tăng việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty còn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép mở các văn phòng đại diện theo các quyết định và công văn ban hành như sau:

- Quyết định số 01/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội;
- Công văn số 1347/UBCK-QLKD ngày 6 tháng 3 năm 2020, cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina được thành lập văn phòng đại diện tại Hàn Quốc.

- **Vốn pháp định** : 85.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 273.599.980.000 VND
- Số cổ phiếu : 27.359.998 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus Thành phố Hồ Chí Minh, Số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-028) 35202388
- Mail : contact@vinasecurities.com
- Mã số thuế : 0102122617

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Văn phòng đại diện

Tại Hà Nội

Địa chỉ: Lô số F 1602 A, Tầng 16, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tại Hàn Quốc

Địa chỉ: Tầng 09 (Deachi - dong), số 504 Teheran - ro, Gangnam - gu, Seoul, Hàn Quốc

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 30 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ("Thông tư 87") ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày. Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm trừ hoặc tăng thêm theo hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 7 của Thông tư 87.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư 87 như sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.1 Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá yết (nếu có), Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	<p>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</p>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá mua;</p> <p>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<p>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá mua;</p> <p>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
9	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá mua;</p> <p>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh</p>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p>doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá từ các báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá từ các báo giá, Giá của kỳ báo cáo gần nhất, Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p>
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Mệnh giá;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Mệnh giá, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	thẻ, phá sản	phiếu được chia do tổ chức giải thẻ, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua/giá trị vốn góp, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).
Quỹ/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán		
14	Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICCG tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
15	Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán
Tài sản cố định		
17	Quyền sử dụng đất...	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán khác		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	- Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

3.2 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư được trình bày ở Thuyết minh số V.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các khoản cô tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc có lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định rủi ro thanh toán trước hạn trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính;
- Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán;
- Các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;
- Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng nói trên, giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 87 như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại.

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản bảo đảm} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán.

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết) hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, công thêm các khoản lãi chưa thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Tổ chức kinh doanh chứng khoán có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm tính giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh số IV.3.1.

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh số IV.

4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

V. BẢNG TÍNH RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0	2.478.844.736	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	5.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
VII. Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán). Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán). Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				
VIII. Chứng khoán khác				
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = $(P_0 \times Q_0 \times k - P_1 \times Q_1) \times R - MD$</p>				
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			-

VI. BẢNG TÍNH RỦI RO THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh số VI.1)	1.558.204.167
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh số VI.2)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh số VI.3)	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.558.204.167

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác		-	-	-	-	1.558.204.167	-	1.558.204.167
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tạị ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							1.558.204.167	

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Từ 60 ngày trở đi	100	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

3. Rủi ro tăng thêm

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
				-
Tổng rủi ro tăng thêm				-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**VII. BẢNG TÍNH RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới ngày 30 tháng 6 năm 2020	99.848.318.168
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	209.122.416
	1. Chi phí khấu hao	209.122.416
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp ngắn hạn	-
II	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	5. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	99.639.195.752
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	24.909.798.938
V	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	17.000.000.000
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})	24.909.798.938

VIII. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	273.599.980.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	254.998.000		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(209.899.655.179)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản			
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính			
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			63.955.322.821
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		1.201.117.940	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày (*)		1.201.117.940	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác		550.081.711	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		3.262.000	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		448.119.121	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		94.500.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.200.590	
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		1.751.199.651	
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định		3.771.930.169	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-
V	Tài sản dài hạn khác		21.444.202.834	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.708.496.340	
2	Chi phí trả trước dài hạn		17.735.706.494	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			-
5	Tài sản dài hạn khác			
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng			25.216.133.003

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

P25.02, Tầng 25, Tòa nhà Deutsches Haus TP HCM, số 33 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng			
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				36.987.990.167

Ghi chú:

(*) Các khoản phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	1.201.117.940
<i>Trả trước cho người bán</i>	1.177.800.000
<i>Các khoản phải thu khác</i>	23.317.940

IX. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Minh Sơn và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Na Sungsoo kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



NA SUNGSOO
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VŨ THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

VŨ THỊ TRÂM ANH
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
VINA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 23/2020/CV-VNSC

(Vv giải trình kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng/2020)

(Ref: Explanation of business result for first half 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

--- oOo ---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày/day 12 tháng/month 08 năm/year 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Committee

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010

Pursuant to Law on Securities No. 70/2006/QH11 dated 26 Jun 2006 and the amendment of Law on Securities No. 62/2010/QH12 dated 24/11/2010

- Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015

Pursuant to Circular No. 155/2015/TT-BTC dated 6 Oct 2015

Công ty cổ phần chứng khoán Vina (“Công ty”) xin được giải trình kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

Vina Securities Joint Stock company (“Company”) would like to explain the business result for the first 6 months of 2020 as follows:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

The profit after enterprise income tax in the Report on Business results of this period changes by 10% or more compared to the same period last year.

Công ty đã có thay đổi về cơ cấu chủ sở hữu, Hội đồng quản trị và thay đổi văn phòng trụ sở chính vào tháng 10 năm 2019, thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, phần mềm giao dịch và tuyển dụng thêm nhân sự để bắt đầu hoạt động Công ty nên chi phí hoạt động tăng cao. Đồng thời công ty đang trong giai đoạn đầu của tái cấu trúc công ty nên chưa có hoạt động kinh doanh hiệu quả để mang lại doanh thu. Theo đó, công ty đang ở giai đoạn gánh lỗ, cụ thể số lỗ của kỳ 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 tăng khá lớn, cụ thể tăng lỗ từ 4.368.770.900 VNĐ lên 44.988.866.215 VNĐ.

Since the Company has been making changes to the ownership structure, the Board of Directors and the headquarters in October 2019, making investment in facilities, the trading system and



recruiting more staff in order to start operations, operating costs has increased. At the same time, the company is in the early stage of company restructuring, so it has not had effective business activities to bring in revenue. Accordingly, the company is in the loss-bearing stage. In particular, the loss of the first 6 months of 2020 compared to the same period in 2019 is quite large, increasing from VND 4,368,770,900 to VND 44,988,866,215.

2. Tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

Total assets are reduced by 10% or more in the latest audited financial statements.

Tổng tài sản tại ngày 31.12.2019 là 222.123.520.622 VNĐ giảm còn 66.564.414.682 tại ngày 30.06.2020 là do thay đổi lớn giá trị các khoản đầu tư nắm giữ và các khoản phải thu bán tài sản tài chính (trái phiếu).

Total assets as of December 31, 2019 were VND 222,123,520,622 has reduced to 66,564,414,682 at 30.06.2020 due to a major change in the value of investments held and accounts receivable from selling financial assets (bonds).

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần chứng khoán Vina để quý cơ quan chủ quan được rõ.

Above is the entire explanation of the business result for the first 6 months of 2020 of Vina Securities Joint Stock Company to in-charge institution.

Trân trọng,

Sincerely,

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Chairman of the BOD



NA SUNGSOO

